

Số: 80/TB-VC1-HC

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2022

**VP VKSND TỈNH HÀ NAM**

**THÔNG BÁO RÚT KINH NGHIỆM**

**ĐẾN** số: 910.0... Trọng việc giải quyết vụ án khiếu kiện hành vi hành chính

Ngày: 21/11/22

Qua công tác kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục phúc thẩm đối với vụ án hành chính "Khiếu kiện hành vi hành chính", giữa người khởi kiện là ông Dương Văn Vượng với người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có sai lầm trong đánh giá chứng cứ, cần rút kinh nghiệm như sau:

### 1. Nội dung và quá trình giải quyết vụ án

Hộ gia đình ông Dương Văn Vượng là chủ sử dụng diện tích đất 424,3 m<sup>2</sup> thửa số 40AB, tờ bản đồ số 7 (bản đồ đo năm 1994), tại địa chỉ số 75 đường Tựu Liệt, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Thực hiện dự án thoát nước trên địa bàn, Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì đã ban hành các Quyết định số 2091/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 về việc thu hồi 170,1m<sup>2</sup> đất của hộ ông Dương Văn Vượng; Quyết định số 4980/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án. Theo đó, tổng số tiền gia đình ông Vượng được hưởng là: 4.989.194.000 đồng (bao gồm các khoản bồi thường về đất 4.007.556.000 đồng; bồi thường, hỗ trợ tài sản gắn liền với đất bị thu hồi 935.587.756 đồng; các khoản hỗ trợ khác 46.050.000 đồng, trong đó có hỗ trợ thuê nhà tạm cư 03 tháng là 18.000.000 đồng và thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng là 15.000.000 đồng). Đến ngày 24/01/2018, ông Vượng được Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thanh Trì thanh toán tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ số tiền là 4.956.194.000 đồng (không thanh toán cho ông Vượng số tiền hỗ trợ thuê nhà tạm cư 18.000.000 đồng và tiền thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng là 15.000.000 đồng như nêu trong quyết định 4980/QĐ-UBND ngày 17/8/2017).

Ông Vượng gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì về việc chậm chi trả tiền bồi thường hỗ trợ và yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán tiền bồi thường và các khoản hỗ trợ thuê nhà tạm cư và tiền thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng theo quyết định 4980/QĐ-UBND ngày 17/8/2017. Quá trình giải quyết khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì ra Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Vượng.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại, ông Vượng khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì trả ông số tiền lãi do chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ là 1.519.508.184 đồng theo mức tiền chậm nộp quy định của luật quản lý thuế và khoản tiền hỗ trợ thuê nhà tạm cư 3 tháng; tiền thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng tổng cộng 33.000.000 đồng.



Bản án hành chính sơ thẩm số 124/2021/HC-ST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn Vượng.

Ngày 04/6/2021, ông Dương Văn Vượng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 25/6/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội ban hành Khang nghị số 22/KNPT-VC1-HC kháng nghị một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 124/2021/HC-ST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo hướng chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Dương Văn Vượng, buộc Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì phải thanh toán số tiền bồi thường do chậm chi trả cho ông Vượng.

Bản án hành chính phúc thẩm số 395/2022/HC-PT ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và chấp nhận một phần kháng cáo của ông Dương Văn Vượng. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm 124/2021/HC-ST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội như sau:

Buộc Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội phải thanh toán cho ông Vượng khoản tiền do chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất là 194.578.566 đồng; khoản tiền hỗ trợ thuê nhà tạm cư là 18.000.000 đồng và khoản tiền thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng là 15.000.000 đồng. Tổng số tiền Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì phải thanh toán cho ông Vượng là 227.578.566 đồng.

## **2. Những vấn đề cần rút kinh nghiệm**

Thứ nhất: Trong việc thực hiện nghĩa vụ do chậm thanh toán tiền bồi thường của cơ quan nhà nước:

Ngày 27/4/2015, Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì ban hành quyết định số 2091/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và ngày 17/8/2017, ban hành Quyết định số 4980/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án đối với gia đình ông Vượng với tổng số tiền là 4.989.194.000 đồng (bao gồm bồi thường về đất 4.007.556.000 đồng; bồi thường, hỗ trợ tài sản gắn liền với đất bị thu hồi 935.587.756 đồng; các khoản hỗ trợ khác 46.050.000 đồng, trong đó có tiền hỗ trợ thuê nhà tạm cư 03 tháng là 18.000.000 đồng và thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng là 15.000.000 đồng).

Ông Vượng đồng ý với việc điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ theo quyết định này của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì nhưng sau khi ban hành Quyết định số 4980, Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì không thông báo cho ông Vượng về việc thực hiện thanh toán bồi thường và đến ngày 24/01/2018, Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì mới chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông Vượng với số tiền là 4.956.194.000 đồng. Do bị trừ đi 02 khoản không được chấp nhận là tiền hỗ trợ thuê nhà tạm cư là 18.000.000 đồng và tiền thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng là 15.000.000 đồng. Việc làm trên của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì là chưa tuân thủ đúng quy định tại khoản 1, 2 Điều 93 Luật đất đai 2013 và khoản 1 Điều 106 Luật quản lý thuế.

Điều 93 Luật đất đai năm 2013 quy định:

“1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi.

2. Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả”.

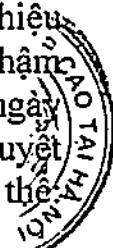
Khoản 1 Điều 106 Luật quản lý thuế (sửa đổi, bổ sung năm 2016) quy định:

“ Người nộp thuế chậm nộp tiền thuế so với quy định thời hạn, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế, thời hạn trong quá trình xử lý của cơ quan quản lý thuế thì phải nộp đủ tiền thuế và tiền chậm nộp theo mức 0,03%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp”.

Như vậy, do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì đã chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông Vượng theo quyết định 4980/QĐ-UBND nên ông Vượng khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì thanh toán thêm khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế là có cơ sở chấp nhận. Việc Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định việc Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì chưa thực hiện được việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông Vượng là do lỗi của ông Vượng là không có căn cứ. Tuy nhiên, chỉ có cơ sở xác định thời điểm Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì chậm thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ kể từ ngày quyết định số 4980/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 có hiệu lực thi hành nên tính từ ngày 16/9/2017 (là thời điểm bắt đầu tính thời gian chậm chi trả đối với Quyết định 4980/QĐ-UBND) đến ngày 23/01/2018 là 130 ngày với lãi suất 0,03%/ngày trên tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận theo quyết định số 4890 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì đã phê duyệt. Cụ thể:  $4.989.194.000 \text{ đồng} \times 130 \text{ ngày} \times 0,03\% = 194.578.566 \text{ đồng}$ .

Thứ hai: Trong việc thực hiện quyết định bồi thường đang có hiệu lực thi hành:

Trong quá trình giải quyết vụ án Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì xác định Quyết định số 4980/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Vượng có đất bị thu hồi là quyết định cuối cùng có hiệu lực thi hành và được ban hành sau khi toàn bộ diện tích đất thu hồi của ông Vượng đã được dự án thực hiện từ năm 2016. Việc ông Vượng không nhận tiền và không bàn giao mặt bằng là do không đồng ý với Quyết định 2164/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì và quyết định này đã bị quyết định 4980/QĐ-UBND thay thế. Tại biên bản nhận tiền bồi thường, hỗ trợ ngày 24/01/2018 do Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thanh Trì thực hiện căn cứ vào quyết định số 4980/QĐ-UBND nhưng lại trừ khoản tiền hỗ trợ thuê nhà tạm cư và tiền thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng là



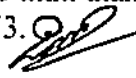
không thực hiện chi trả tiền bồi thường hỗ trợ cho ông Vượng theo đúng quyết định số 4980/QĐ-UBND đang có hiệu lực thi hành.

Do đó, bản án sơ thẩm có vi phạm trong việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người bị thu hồi đất như đã nêu ở trên nên bản án phúc thẩm đã sửa một phần bản án sơ thẩm để khắc phục vi phạm

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thông báo đề Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố trong khu vực nghiên cứu, rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính./.

**Nơi nhận:**

- Đ/c PVT VKSTC phụ trách (B/c):
- Vụ 10 VKSTC:
- VC2, VC3:
- Đ/c PVT phụ trách VC1:
- Đ/c PVT VC1 phụ trách V3:
- VKSND 28 tỉnh, thành, phố phía Bắc:
- Lưu VT, V3.



Vũ Quang Huy

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2022

Số: 84/TB-VC1- HC  
VP VKSND TỈNH HÀ NAM

**ĐẾN** số: 910.4.....  
Ngày: 21/11/22 **THÔNG BÁO RÚT KINH NGHIỆM**  
..... Đối với bản án hôn nhân gia đình có vi phạm.  
Chuyển: .....

Qua công tác kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục phúc thẩm đối với vụ án hôn nhân gia đình “Chia tài sản chung sau ly hôn” giữa anh Brad Edward Poland (sau đây viết là Brad) và chị Lương Thị Thúy Hà. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng cũng như việc đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật cần rút kinh nghiệm như sau.

### 1. Nội dung và quá trình giải quyết vụ án.

Anh Brad và chị Lương Thị Thúy Hà có đăng ký kết hôn tại UBND - TP Hà Nội ngày 03/01/2007. Hai người đã ly hôn và được giải quyết theo Bản án số 124/2013/HNGĐ-ST ngày 16/9/2013 của Tòa án nhân dân TP Hà Nội. Tuy nhiên tại Bản án này hai bên chưa đề nghị giải quyết phần tài sản chung.

Ngày 12/5/2014, anh Brad khởi kiện, đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn là nhà đất tại số 49, ngõ 109, đường Nguyễn Sơn, phường Gia Thụy, quận L (sau đây viết là nhà đất số 49, ngõ 109). Anh xác định nguồn gốc của khối tài sản trên như sau:

Tháng 7/2007, bố, mẹ đẻ chị Lương Thị Thúy Hà là ông Lương Văn Vượng và bà Lê Thị Bé có nói cho vợ, chồng anh 60m2 đất nằm trong khuôn viên thửa đất của ông Vượng và bà Bé tại số 49, ngõ 109 để vợ, chồng anh làm nhà riêng. Tại thời điểm đó trên đất chưa có nhà và ông Vượng và bà Bé cũng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy CNQSDĐ, mới chỉ được phòng TN&MT quận L xác nhận đủ điều kiện cấp giấy CNQSDĐ. Việc tặng cho đất giữa hai bên không được lập thành văn bản. Năm 2010 vợ, chồng anh xây dựng và hoàn thiện ngôi nhà như hiện nay. Nguồn tiền xây nhà là của anh gửi về qua ngân hàng gồm các khoản 21.850 USD và 350.000.000 đồng. Tổng số tiền tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 1.096.759.000 đồng. Anh Brad đề nghị Tòa án hủy giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CS 827082 ngày 03/9/2019 của Sở TN&MT thành phố H đã cấp cho ông Vượng, bà Bé; Giao cơ quan thi hành án bán đấu giá nhà gắn liền với đất, phân chia tiền bán được theo tỉ lệ anh Brad hưởng 2/3, chị Hà hưởng 1/3 giá trị. Nếu chị Hà có nhu cầu về nhà ở, chị Hà phải thanh toán cho anh Brad giá trị 2/3 ngôi nhà theo định giá của hội đồng định giá. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của anh Brad rút yêu cầu đề nghị hủy giấy CNQSDĐ.

Chị Lương Thị Thúy Hà trình bày: Ngôi nhà là của bố mẹ chị (ông Vượng, bà Bé) xây dựng và cho vợ chồng chị ở nhờ. Chị thừa nhận trong quá trình chung sống, anh Brad có chuyển tiền qua tài khoản về cho chị, xong đó là để chị sử dụng vào chi tiêu cho gia đình. Số tiền 3.500 USD anh Brad gửi ngày 01/6/2011 là để chứng minh tài chính làm thủ tục cho chị Hà sang Mỹ. Sau khi sang Mỹ, chị đã chuyển lại cho anh Brad số tiền trên (gốc và lãi).

Vợ, chồng ông Lương Văn Vượng và bà Lê Thị Bé trình bày: Nguồn tiền xây nhà là của ông bà rút tiết kiệm và vay mượn. Số tiền chi phần xây thô là 666.800.000đ chưa kể chi phí phát sinh. Ngôi nhà này ông bà xây mục đích là để cho con trai ở nhưng sau đó do vợ chồng chị Hà không có nơi ở nên ông bà cho ở nhờ. Giấy CNQSDĐ mang tên ông bà và khối tài sản nhà, đất trên không liên quan đến vợ chồng chị Hà, anh Brad.

*Tại Bản án sơ thẩm số 138/2020/HNGĐ-ST ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có nhận định:*

Xác định ngôi nhà trên đất là tài sản chung của anh Brad, chị Hà, ông Vượng, bà Bé. Công sức được tính theo tỷ lệ mỗi người được hưởng 1/3. Quyền sử dụng đất là tài sản của ông Vượng, bà Bé nhưng anh Brad và chị Hà có công sức làm tăng giá trị đất nên trích một phần giá trị đất cho anh Brad, chị Hà tương đương 500.000.000đ/người.

Đại diện nguyên đơn rút yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ nên không xem xét. Hiện, nhà đất do ông Vượng, bà Bé quản lý, sử dụng nên cần tiếp tục giao nhà đất cho ông Vượng, bà Bé và ông bà có trách nhiệm thanh toán giá trị cho anh Brad, chị Hà.

*Từ những nhận định trên, bản án sơ thẩm quyết định:*

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của anh Brad về việc chia tài sản chung sau ly hôn. Xác định tài sản chung là ngôi nhà tại thửa đất số 49, ngõ 109 có sự đóng góp công sức của ông Lương Văn Vượng, bà Lê Thị Bé.

Xác định Anh Brad và chị Hà mỗi người được hưởng phần giá trị tài sản là 747.644.133 đồng, buộc ông Vượng, bà Bé có trách nhiệm thanh toán. Giao cho ông Vượng, bà Bé tiếp tục quản lý, sử dụng nhà đất tại địa chỉ trên.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người liên quan có kháng cáo.

Tại Bản án phúc thẩm số 20/2022/HNGĐ-PT ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn là chị Lương Thị Thúy Hà, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lương Văn Vượng và bà Lê Thị Bé, sửa một phần bản án sơ thẩm:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ của nguyên đơn.

Không chấp nhận việc trích công sức đóng góp đối với quyền sử dụng đất cho chị Lương Thị Thúy Hà và anh Brad (mỗi người 500.000.000 đồng). Giữ nguyên các quyết định khác của Bản án sơ thẩm

## **2/ Những vấn đề cần rút kinh nghiệm**

Xem xét nguồn gốc ngôi nhà tại thửa đất số 49, ngõ 109 thấy: Anh Brad và chị Hà kết hôn năm 2007 và được bố mẹ chị Hà cho ở tại ngôi nhà trên. Anh Brad cho rằng, ngôi nhà là do anh gửi tiền về xây dựng, tổng số tiền là 21.850 USD và 259.664.300 đồng. Chị Hà thừa nhận có nhận số tiền này nhưng cho rằng số tiền này để sử dụng vào chi tiêu sinh hoạt gia đình và dùng một phần mua sắm nội thất (khoảng 220.000.000 đồng). Đại diện của nguyên

đơn xuất trình các email (thư điện tử) có nội dung anh Brad, chị Hà trao đổi về việc xây nhà và việc gửi tiền về trong khoảng thời gian từ năm 2009-2012. Chị Hà không thừa nhận nội dung các email này nhưng cũng không đề nghị giám định. Phía ông Vượng, bà Bé trình bày nhà được xây dựng bằng tiền của ông bà tiết kiệm và vay mượn. Thể hiện bằng các tài liệu chứng cứ đó là "Giấy lĩnh tiền tiết kiệm" của ngân hàng kỹ thương Việt Nam có nội dung bà Bé rút tiền tiết kiệm trong các ngày 12/10/2009 và ngày 25/11/2010, 24/12/2010, thời điểm rút tiền tiết kiệm của bà Bé phù hợp với thời điểm xây nhà. Ông Vượng là người đứng tên giấy phép xây dựng. Như vậy có căn cứ để khẳng định ngôi nhà đang có tranh chấp được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng của anh Brad và chị Hà, có sự đóng góp của ông Vượng, bà Bé. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngôi nhà trên là tài sản chung của vợ chồng của anh Brad, chị Hà và có phần đóng góp của ông Vượng, bà Bé, từ đó quyết định phân chia theo kỹ phần mỗi người được hưởng 1/3 giá trị tài sản là có căn cứ, phù hợp và đúng pháp luật.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm còn có những vi phạm trong việc chấp hành các quy định về pháp luật tố tụng dân sự, việc đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật cụ thể đó là:

Thứ nhất, vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tại Đơn khởi kiện bản dịch ra tiếng việt, có chữ ký của anh Brad và người phiên dịch là ông Nguyễn Quang Quỳnh nên hợp lệ. Tuy nhiên, đơn khởi kiện ghi ngày 17/4/2014, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý ngày 26/5/2014 với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phan Thị Hương Thủy. Hợp đồng ủy quyền của anh Brad cho bà Thủy đề ngày 18/4/2014 nhưng đến ngày 25/9/2020 bà Thủy mới xuất trình cho Tòa án, thể hiện trên Biên bản giao nhận tài liệu. Như vậy, việc Tòa án sơ thẩm thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận tư cách ủy quyền của bà Thủy khi chưa có hợp đồng ủy quyền tại thời điểm thụ lý, giải quyết vụ án là không đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu về việc đề nghị hủy Giấy CNQSD đất mang tên ông Lương Văn Vượng, bà Lê Thị Bé. Bản án sơ thẩm có nhận định nguyên đơn rút yêu cầu này nên không xem xét là không đúng. Lẽ ra trong trường hợp này, bản án sơ thẩm phải tuyên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đã rút tại phiên tòa mới đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thứ hai, về nội dung xác định công sức tôn tạo làm tăng giá trị của thửa đất: Anh Brad khai vợ chồng được ông Vượng, bà Bé tặng cho đất nhưng không có tài liệu chứng minh. Ông Vượng, bà Bé không thừa nhận việc tặng cho, hiện giấy CNQSD đất đứng tên ông Vượng, bà Bé. Do đó Tòa án xác định quyền sử dụng đất là tài sản của ông Vượng, bà Bé là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng, anh Brad, chị Hà có công sức làm tăng giá trị đất nên trích 1/3 giá trị thửa đất tại thời điểm định giá cho anh Brad và chị Hà được hưởng (tương đương 500.000.000 đồng/người) là chưa có căn cứ và không phù hợp thực tế, bởi lẽ: Anh Brad và chị Hà được ông Vượng, bà Bé cho ở trên diện tích nhà đất trên thời gian không dài (từ 2009 đến 2013) thì ly hôn, quá trình sử dụng, Anh Brad và chị Hà không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc đã có công sức tôn tạo để làm tăng giá trị của thửa đất. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định anh Brad, chị Hà có đóng

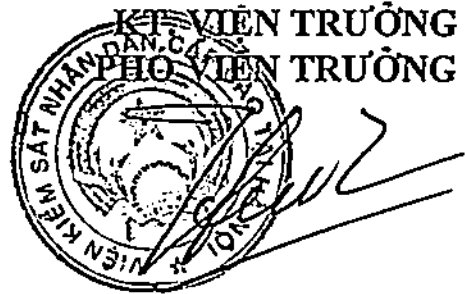
góp công sức làm tăng giá trị đất và buộc ông Vượng, bà Bé thanh toán phần công sức cho Anh Brad và chị Hà này là không có căn cứ.

Do Tòa án cấp sơ thẩm có các vi phạm như đã nêu trên nên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội sửa án sơ thẩm để khắc phục vi phạm.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thông báo dạng vi phạm đã phát hiện đề Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố khu vực phía bắc nghiên cứu, rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng công tác kiểm sát giải quyết các vụ án hôn nhân gia đình./.

**Nơi nhận:**

- Các Đ/c P. VT VC1 (b/c);
- 28 VKS tỉnh, TP thuộc VC1 (đ/b);
- Vụ 9, Vụ 14 VKS tối cao;
- Viện cấp cao 2, 3;
- Các Viện nghiệp vụ; VP VC1;
- Lưu VP, HSKS.



**Vũ Quang Huy**



Số: 53/TB-VC1-HC

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2022

VP VKSND TỈNH HÀ NỘI

Số: 9.103.000

**ĐẾN**

Ngày: 21/11/22 THÔNG BÁO RÚT KINH NGHIỆM

Đối với bản án hành chính sơ thẩm có vi phạm bị sửa án.

Chuyển:

Qua công tác kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục phúc thẩm đối với vụ án hành chính “khieux kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” giữa người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Quý với người bị kiện là UBND quận B. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng trong việc đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật, cần rút kinh nghiệm như sau.

**1. Nội dung và quá trình giải quyết vụ án.**

Thực hiện dự án đầu tư mở rộng đường Vành đai 3 trên địa bàn thành phố H, ngày 07/9/2018 UBND quận B ban hành Quyết định số 4980/QĐ-UBND về việc thu hồi 151,5m<sup>2</sup> của bà Nguyễn Thị Quý đang sử dụng để ở. Cùng ngày, UBND quận B ban hành Quyết định số 4981/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Quý, theo đó tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với bà Quý là 1.158.444.301đ, gồm các khoản: Bồi thường, hỗ trợ về đất, công trình xây dựng và cây trồng vật nuôi, tái định cư bằng nhà chung cư cùng các khoản hỗ trợ khác.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nên bà Quý khiếu nại. Chủ tịch UBND quận B ban hành Quyết định số 7332/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 về việc giải quyết khiếu nại nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 4980 và Quyết định 4981 ngày 07/9/2018 của UBND quận B.

Bà Quý không nhất trí với nội dung giải quyết khiếu nại nên khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy một phần Quyết định số 4981/QĐ-UBND ngày 7/9/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Bản án sơ thẩm số 243/2020/HC-ST ngày 26/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H căn cứ khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quý về đề nghị hủy một phần Quyết định số 4981/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, cụ thể là phần bồi thường, hỗ trợ về đất và phần tái định cư bằng nhà chung cư.

Bà Nguyễn Thị Quý kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Bản án số 347/2022/HC-PT ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định: Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Quý; sửa bản án hành

chính sơ thẩm số 243/2020/HC-ST ngày 26/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H cụ thể như sau:

Hủy một phần Quyết định số 4981/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư, cụ thể là phần bồi thường, hỗ trợ về đất và phân tái định cư bằng nhà chung cư.

Hủy một phần Quyết định số 7332/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, cụ thể là phần: Giữ nguyên quyết định hành chính số 4981/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư.

## 2/ Những vấn đề cần rút kinh nghiệm.

Xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng diện tích đất trước khi bị thu hồi của Bà Nguyễn Thị Quý thấy rằng:

Thứ nhất, về nguồn gốc đất: Bà Nguyễn Thị Quý bị thu hồi diện tích 151,5m<sup>2</sup>/174,6m<sup>2</sup> đất đang sử dụng tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 69, Bản đồ đo vẽ năm 1994 (sau đây viết là thửa đất số 67). Tại Giấy xác nhận ngày 03/01/2018 của UBND phường C về việc sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với bà Nguyễn Thị Quý thể hiện như sau: Diện tích đất thu hồi thuộc một phần thửa đất số 67 tại phường C có diện tích 178m<sup>2</sup>, thể hiện có công trình xây dựng trên đất. Sổ kiểm kê lập năm 2000 (lập theo bản đồ 1994) thể hiện chủ sử dụng đất: Nguyễn Thị Quý; loại đất: Đất ở.

Theo lời trình bày và các tài liệu, giấy tờ do Bà Nguyễn Thị Quý cung cấp nội dung như sau: Năm 1984, gia đình bà hiến đất ở để xây dựng đình Hoàng và được UBND xã C (nay là phường C) cấp đổi 10 thước đất (tương đương 240m<sup>2</sup>). Thể hiện tại Đơn đề nghị giải quyết đất do gia đình đã rời nhà để xã lấy đất xây dựng công trình công cộng ngày 20/9/1984 của bà Nguyễn Thị Quý được UBND xã C xác nhận ngày 24/11/1984 với nội dung: "*Nhất trí giải quyết cho bà Nguyễn Thị Quý 10 thước đất tại nội địa góc đường cây Đa bia, giáp đường bộ cao tốc, thửa đất này anh Cầu hiện đang cấy, không trả sản lượng, nay xã thu hồi lại để cấp cho bà Quý*".

Do việc giao đất không có quyết định, không cắm mốc giới cụ thể, không có trích lục bản đồ nên quá trình sử dụng, diện tích thực tế gia đình bà Quý tăng lên là 539,4m<sup>2</sup> (tăng 299,4m<sup>2</sup> đất so với diện tích được UBND xã C cấp). Gia đình bà Quý đã xây dựng công trình và sử dụng ổn định, không có tranh chấp từ trước ngày 15/10/1993. Không có tài liệu thể hiện việc gia đình bà Quý lấn chiếm đất.

Thứ hai, về quá trình sử dụng đất: Diện tích bà Quý được cấp 10 thước tương đương với diện tích 240m<sup>2</sup>. Theo hồ sơ quản lý đất đai lưu tại phường, giấy tờ do người sử dụng đất cung cấp và các Báo cáo kết quả thẩm tra Giấy CNQSDĐ của Thanh tra quận B thể hiện trong quá trình sử dụng đất, gia đình bà Nguyễn Thị Quý đã chuyển nhượng và tặng, cho 07 hộ gia đình khác với tổng diện tích là 364,8m<sup>2</sup>. Những người này đều đã được UBND quận B cấp Giấy CNQSDĐ là đất ở. Diện tích còn lại gia đình bà Quý đang sử dụng để ở là 174,6m<sup>2</sup>.

Như vậy diện tích đất thực tế gia đình bà Quý đang sử dụng có chung nguồn gốc như diện tích đất gia đình bà đã tặng, cho, chuyển nhượng cho 07 hộ khác. Bên cạnh đó trên sổ kiểm kê lập năm 2000 (theo bản đồ 1994) cũng thể hiện nội dung bà Ngô Thị

Quý sử dụng diện tích đất trên đất ở. Thực tế gia đình bà Quý đã làm nhà, sống ổn định trên đất này trước năm 1993, các công trình xây dựng trên đất đều trước năm 2004. Quá trình sử dụng không có biến động, tranh chấp với các hộ liền kề, không lấn chiếm đất công, sử dụng ổn định vào mục đích để ở. Gia đình Bà Quý không có giai đoạn nào sử dụng diện tích đất trên để sản xuất nông nghiệp. Nội dung này được xác định tại Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư lập ngày 15/12/2016 và Phiếu xác nhận của UBND Phường C ngày 5/4/2017. Do đó có cơ sở để xác định diện tích 174,6m<sup>2</sup> gia đình bà Quý sử dụng đủ điều kiện để được công nhận và giải quyết quyền lợi là đất ở khi bị thu hồi đất. Việc bà Quý khởi kiện cho rằng khi nhà nước thu hồi diện tích đất này thì bà phải được bồi thường theo quy định như trong trường hợp thu hồi đất thổ cư là có căn cứ.

Bên cạnh đó, gia đình bà Quý là gia đình chính sách (là vợ liệt sĩ, con dâu của bà mẹ Việt Nam anh hùng), hiện nay gia đình bà Quý có 03 hộ gồm 04 nhân khẩu cùng sinh sống trên diện tích đất bị thu hồi và không có nơi ở nào khác. Vì vậy, hộ gia đình bà Quý thuộc trường hợp cần phải xem xét phương án tái định cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Như phân tích trên, khi thu hồi đất, UBND quận B đã xác định không đúng loại đất nên đã ban hành quyết định số 4981/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ không thỏa đáng, không đảm bảo quyền lợi đối với gia đình bà Quý và đồng nghĩa với việc Quyết định số 7332/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 về việc giải quyết khiếu nại của UBND quận B đối với bà Nguyễn Thị Quý là không có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong vụ án chưa được đầy đủ, chính xác, khách quan và toàn diện, từ đó đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quý về việc đề nghị hủy một phần Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường là không đúng, không đảm bảo quyền lợi đối với gia đình bà Quý khi bị thu hồi đất. Do vậy Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã sửa án sơ thẩm để khắc phục vi phạm.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thông báo dạng vi phạm đã phát hiện để Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố khu vực phía bắc nghiên cứu, rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng công tác kiểm sát giải quyết các vụ án hành chính

**Nơi nhận:**

- Các Đ/c P. VT VC1 (b/c);
- 28 VKS tỉnh, TP thuộc VC1 (đ/b);
- Vụ 10, Vụ 14 VKS tối cao;
- Viện cấp cao 2, 3;
- Các Viện nghiệp vụ; VP VC1;
- Lưu VP, HSKS.



**Vũ Quang Huy**

Số: 82/TB-VC1-HC

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2022

**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Số: 9122...  
Ngày 21/11/22

**THÔNG BÁO RÚT KINH NGHIỆM**

Vụ án hình sự sơ thẩm bị hủy do bỏ lọt hành vi phạm tội

Qua công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm đối với vụ án Vũ Thị Hồng Vân phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thông báo đến Viện kiểm sát các địa phương thuộc khu vực phía Bắc để rút kinh nghiệm trong vấn đề định tội và xác định tội danh, cụ thể như sau:

**1. Nội dung và quá trình giải quyết vụ án**

Vũ Thị Hồng Vân và chồng là Trần Đăng Thanh thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Camry BKS 21A-066.21 và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số đăng ký 012092 do Công an tỉnh Yên Bái cấp ngày 30/11/2018 mang tên Trần Đăng Thanh tại Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Bắc Yên Bái để vay số tiền 300.000.000 đồng, bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe do Ngân hàng giữ và quản lý theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 22/2019/HĐTC-870200464 ngày 05/4/2019. Khoảng tháng 11/2019, Vũ Thị Hồng Vân đến vay tiền của ông Nguyễn Tiến Long (trú tại Tổ 1 phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái), ông Long đồng ý cho Vân vay tiền với điều kiện phải có tài sản thế chấp. Vân nảy sinh ý định làm giả Giấy đăng ký xe ô tô để thế chấp vay tiền của ông Long. Vân lên mạng tìm kiếm thông tin và thuê một người đàn ông (không rõ tên, địa chỉ) làm giả 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 012092, BKS 21A-066.21 mang tên Trần Đăng Thanh. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, Vân liên hệ với ông Long xin cầm cố để vay tiền, ông Long đồng ý cho Vân vay số tiền 300.000.000 đồng nhưng yêu cầu vợ chồng Vân phải làm Hợp đồng mua bán xe ô tô tại Phòng công chứng để đảm bảo khoản vay. Vân nói dối chồng là đã trả tiền vay Ngân hàng và lấy Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô về để thế chấp vay tiền ông Long với lãi suất thấp hơn nên ông Thanh đồng ý. Ngày 29/11/2019, hai vợ chồng Vân, Thanh cùng ông Long ký Hợp đồng mua bán xe ô tô tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Yên Bái, Vân là người cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 012092, BKS 21A-066.21 mang tên Trần Đăng Thanh để hoàn thiện hợp đồng.



Sau khi ký hợp đồng mua bán xe, ông Long là người quản lý Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, còn xe ô tô BKS 21A-066.21 vẫn do gia đình Vân quản lý, sử dụng. Ông Long đã đưa cho Vân vay tổng số tiền 260.000.000 đồng. Ngày 30/01/2021, vợ chồng Vân, Thanh đã trả cho ông Long 100.000.000 đồng tiền gốc và 7.800.000 đồng tiền lãi. Quá trình quản lý Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012092 mang tên Trần Đăng Thanh, do nghi ngờ là giả nên ông Long đã trình báo và giao nộp cho Cơ quan Công an.

Tại Kết luận giám định số 284/KLGD ngày 10/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012092, BKS 21A-066.21 mang tên Trần Đăng Thanh do ông Nguyễn Tiến Long giao nộp là giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2021/HS-ST ngày 29/9/2021, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47 Bộ luật Hình sự xử phạt Vũ Thị Hồng Vân 01 năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và phạt tiền 10.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 23/QĐ-VC1-V3 ngày 08/6/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử Giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án hình sự sơ thẩm nêu trên để điều tra lại theo thủ tục chung.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 44/2022/HS-GĐT ngày 30/8/2022 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về nội dung vụ án có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2021/HS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái về phân trách nhiệm hình sự và các quyết định khác liên quan đến bị cáo Vũ Thị Hồng Vân để điều tra lại theo thủ tục chung.

## **2. Những vấn đề cần rút kinh nghiệm**

### **Về việc bỏ lọt hành vi phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"**

Với mục đích để cho ông Nguyễn Tiến Long tin tưởng và cho vay tiền, Vũ Thị Hồng Vân đã làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012092, BKS 21A-066.21 mang tên ông Trần Đức Thanh (chồng của Vân), ký hợp đồng mua bán xe ô tô với ông Nguyễn Tiến Long tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Yên Bái. Thời điểm này, Giấy chứng nhận xe ô tô thật đang được gia đình Vũ Thị Hồng Vân thế chấp tại Ngân hàng Agribank - chi nhánh Bắc Yên Bái. Do tin tưởng giấy tờ xe ô tô là thật, ông Nguyễn Tiến Long đã cho Vũ Thị Hồng Vân vay 260.000.000 đồng. Do đó, hành vi phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của Vân đã hoàn thành. Sau khi ký hợp đồng mua bán xe, ông Long là người quản lý Giấy chứng

nhận đăng ký xe ô tô giả trên còn xe ô tô BKS 21A-066.21 vẫn do gia đình Vân quản lý, sử dụng. Như vậy, ngoài tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức" theo Điều 341 BLHS thì hành vi của Vũ Thị Hồng Vân còn có dấu hiệu của tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điều 174 BLHS xong chưa được các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm điều tra xử lý theo đúng quy định của pháp luật là có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội.

**Về việc xác định tư cách người tham gia tố tụng**

Vũ Thị Hồng Vân có hành vi gian dối để có được số tiền 260.000.000 đồng của ông Nguyễn Tiến Long. Theo quy định tại Điều 62 Bộ luật tố tụng hình sự thì ông Nguyễn Tiến Long là người bị hại trong vụ án chứ không phải người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã xác định.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thông báo đề Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố trong khu vực nghiên cứu, rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử án hình sự./.

**Nơi nhận:**

- Đ/c PVT VKSTC phụ trách (B/c);
- Đ/c Phó viện trưởng phụ trách VC1 (B/c);
- Vụ 3, Vụ 14, T1 VKSTC;
- VC2, VC3;
- VKSND các tỉnh, thành phố phía Bắc;
- Các Viện nghiệp vụ VC1;
- Lưu: VT, V3.

KT VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Vũ Quang Huy



Số: 81/TB-VC1-HC  
VP VKSND TỈNH HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2022

ĐẾN số: 9.101.....  
Ngày: 21/11/2022  
..... Vụ án hình sự bị sửa do có vi phạm trong việc áp dụng pháp luật dân sự,  
biện pháp tư pháp và án phí.  
Chuyển: .....

### THÔNG BÁO RÚT KINH NGHIỆM

Qua công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm đối với vụ án Lê Thị Phương phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thông báo đến Viện kiểm sát các địa phương thuộc khu vực phía Bắc để rút kinh nghiệm trong vấn đề áp dụng pháp luật, cụ thể như sau:

#### 1. Nội dung và quá trình giải quyết vụ án

Ngày 21/5/2020, Lê Thị Phương thuê xe ô tô Nissan Navara BKS 38C-121.32 trị giá 450.000.000 đồng của anh Phan Văn Tâm ở khối phố Văn Thịnh, phường Văn Yên, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh để làm phương tiện đi lại và cho thuê lại hưởng tiền chênh lệch. Đến ngày 26/5/2020, do cần tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân nên Phương đã cầm cố chiếc xe trên cho ông Trần Đình Công ở khối 10, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để vay tổng số tiền 321.000.000 đồng. Hết hạn thuê xe, anh Tâm đã nhiều lần yêu cầu trả xe nhưng Phương không có khả năng trả nợ cho ông Công để chuộc xe về trả lại cho anh Tâm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2021/HS-ST ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Phương 07 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 295, Điều 309 Bộ luật Dân sự; Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; Thông tư số 13/1999/TT-BTM ngày 19/5/1999 của Bộ Thương Mại, không chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Đình Công về việc yêu cầu bị cáo Lê Thị Phương bồi thường số tiền 321.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự truy thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 321.000.000 đồng của Lê Thị Phương.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị



cáo Lê Thị Phương phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; ông Trần Đình Công phải chịu 16.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 12/2022/HS-PT ngày 27/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh bác toàn bộ kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Đình Công, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp và án phí.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 29/QĐ-VC1-V3 ngày 14/7/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm theo hướng sửa Bản án hình sự phúc thẩm số 12/2022/HS-PT ngày 27/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về phần trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp và án phí dân sự.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 43/2022/HS-GĐT ngày 30/8/2022 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, sửa Bản án hình sự phúc thẩm số 12/2022/HS-PT ngày 27/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về phần trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp và án phí dân sự. Buộc bị cáo Lê Thị Phương phải trả lại cho ông Trần Đình Công số tiền 321.000.000 đồng. Không truy thu số tiền 321.000.000 đồng của Lê Thị Phương để sung ngân sách nhà nước. Buộc Lê Thị Phương phải chịu 16.500.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch; ông Công không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

## **2. Những vấn đề cần giúp kinh nghiệm**

Về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp và án phí dân sự:

Khi Lê Thị Phương cầm cố xe ô tô Nissan Navara BKS 38C-121.32 thì Phương đã đưa cho ông Trần Đình Công 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 Giấy đăng kiểm và 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Phương. Mặc dù Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Cường Anh nhưng Phương nói công ty Cường Anh và xe ô tô BKS 38C-121.32 là của Phương nên ông Công tin tưởng, nhận cầm cố xe ô tô với tổng số tiền 321.000.000 đồng. Quan hệ pháp luật giữa Lê Thị Phương và ông Trần Đình Công là quan hệ pháp luật dân sự.

Theo khoản 4 Điều 29 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ): Đối với những tài sản cầm cố thuộc sở hữu của người thứ ba phải có văn bản ủy quyền hợp lệ của chủ sở hữu.



Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 117; Điều 122; Điều 131 Bộ luật Dân sự, trong trường hợp này giao dịch dân sự giữa Lê Thị Phương và ông Trần Đình Công đã bị vô hiệu. Do vậy, Lê Thị Phương phải trả lại ông Công số tiền đã vay là 321.000.000 đồng.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng số tiền 321.000.000 đồng là tiền thu lời bất chính do phạm tội mà có, từ đó tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền này và buộc ông Trần Đình Công phải nộp 16.050.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch là không đúng quy định của pháp luật.

Do Bản án sơ thẩm và phúc thẩm có vi phạm trong việc áp dụng pháp luật dân sự, biện pháp tư pháp và án phí như đã nêu và phân tích ở trên nên bản án giám đốc thẩm đã sửa Bản án hình sự phúc thẩm số 12/2022/HS-PT ngày 27/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về phần trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp và án phí dân sự để khắc phục các vi phạm.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thông báo để Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố trong khu vực nghiên cứu, rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử án hình sự./.

**Nơi nhận:**

- Đ/c PVT VKSTC phụ trách (B/c);
- Đ/c VT VC1 (B/c);
- Vụ 3, Vụ 14, T1 VKSTC;
- VC2, VC3;
- VKSND các tỉnh, thành phố phía Bắc;
- Các Viện nghiệp vụ VC1;
- Lưu: VT, V3.



Vũ Quang Huy



Số: 85 /TB-VC1- HC

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2022

VP VKSND TỈNH HÀ NAM

THÔNG BÁO RÚT KINH NGHIỆM

ĐẾN số: 9105... Đối với quyết định hành chính sơ thẩm có vi phạm bị hủy

Ngày: 21/11/22

Quá công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính theo thủ tục phúc thẩm đối với vụ án "Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", giữa người khởi kiện là ông Trần Kháng Chiến và bà Nguyễn Kim Oanh với người bị kiện là UBND thành phố TN, tỉnh TN. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện và áp dụng pháp luật không đúng cần rút kinh nghiệm như sau:

1. Nội dung và quá trình giải quyết vụ án

Tại đơn khởi kiện: ông Chiến và bà Oanh khởi kiện Ủy ban nhân dân thành phố TN yêu cầu Tòa án hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau:

- GCNQSD đất số Y 218990 do UBND thành phố TN cấp ngày 16/9/2003 mang tên bà Nguyễn Thị Nhưồng.
- GCNQSD đất số AB 171601 do UBND thành phố TN cấp ngày 03/8/2004 mang tên bà Nguyễn Thị Nhưồng.
- GCNQSD đất số AĐ 609757 do UBND thành phố TN cấp ngày 22/5/2006 mang tên ông Nguyễn Xuân Thìn và bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì từ năm 2014 ông Chiến, bà Oanh đã biết việc bà Nguyễn Thị Nhưồng, ông Nguyễn Xuân Thìn và bà Nguyễn Thị Thu Hương được cấp các GCNQSD đất nói trên. Sau đó ông Chiến đã khiếu nại tới nhiều cơ quan, trong đó có UBND thành phố TN.

Ngày 17/6/2020, UBND thành phố TN ban hành Công văn số 1512/UBND-VP về việc kiểm tra, giải quyết đơn của ông Chiến có nội dung "... Giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố chủ trì, phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố TN, UBND phường Gia Sàng kiểm tra hồ sơ, tài liệu có liên quan, giải quyết trả lời công dân theo quy định...".

Thực hiện công văn số 1512/UBND-VP ngày 17/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố TN ngày 15/7/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố TN ban hành Công văn số 589/TNMT- CG trả lời đơn đề nghị của ông Chiến có nội dung: "1. Đối với việc cấp giấy CNQSD đất của bà Nhưồng và ông Thìn... việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà Nhưồng và ông Thìn đúng theo quy định của pháp luật".

Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 05/2022/QĐST-HC ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh TN. Quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 38, Điều 143 và Điều 144 Luật tố tụng hành chính

Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 20/2022/TLST-HC ngày 22/10/2021 về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Ngày 6/4/2022, ông Trần Kháng Chiến có đơn kháng cáo và ngày 12/4/2022, ông Chiến và bà Oanh có đơn kháng cáo bổ sung, nội dung đề nghị cấp phúc thẩm

hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 05/2022/QĐST-HC ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh TN, tiếp tục giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 73/2022/QĐ-PT ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định chấp nhận kháng cáo của ông Trần Khánh Chiến và bà Nguyễn Kim Oanh, hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 05/2022/QĐST-HC ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh TN. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh TN giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

## 2. Những vấn đề cần rút kinh nghiệm

Công văn số 589/TNMT-CG ngày 15/7/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố TN nêu trên là thực hiện ý kiến của UBND thành phố TN về việc trả lời giải quyết đơn của ông Trần Khánh Chiến. Công văn này có nội dung giữ nguyên Quyết định V/v cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ bà Nường và ông Thìn. Nội dung này liên quan đến việc khởi kiện của ông Chiến, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Chiến. Do vậy, phải xác định đây là một quyết định hành chính theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, nên thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày ông Chiến nhận được Công văn này; do đó, trong trường hợp này, nếu tính từ ngày ban hành Văn bản số 589/TNMT-CG là ngày 15/7/2020 thì ngày 19/4/2021, ông Chiến có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định, văn bản hành chính nêu trên vẫn còn thời hiệu khởi kiện 1 năm theo quy định tại điểm a khoản 2 và 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định tính từ thời điểm ông Chiến, bà Oanh biết được quyết định hành chính bị kiện (năm 2014), thời điểm hết thời hạn giải quyết khiếu nại nhưng không được người có thẩm quyền (Chủ tịch UBND thành phố TN) giải quyết khiếu nại đến thời điểm khởi kiện vụ án hành chính (ngày 20/4/2021) là đã quá thời hạn 01 năm và hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính nên đã áp dụng điểm g khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính đình chỉ giải quyết vụ án là không đúng.

Quá trình kiểm sát việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên Viện kiểm sát sơ thẩm cũng không phát hiện được vi phạm này của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu, kiến nghị hoặc kháng nghị.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thông báo để Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố trong khu vực phía Bắc nghiên cứu, tham khảo nhằm nâng cao chất lượng kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính./.

### Nơi nhận:

- Đ/c Nguyễn Quang Dũng, PVT VKSTC (để b/c);
- Vụ 10 VKSNDTC ( để b/c);
- Đ/c Phó VT phụ trách VC1 (để b/c);
- Đ/c Phó VT VC1 phụ trách Viện 3;
- VC2, VC3;
- VKSND 28 tỉnh, thành phố phía Bắc;
- Lưu: HSKS, VP, V3.

KT VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Vũ Quang Huy